

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/2023/HS-ST**
Ngày: 15/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Bông và bà Lại Thị Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/HSST-QĐ ngày 16/01/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **A H**; Giới tính: Nam; sinh ngày 28 tháng 8 năm 2003 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Ko, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Xơ Đăng; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Thân (đã chết) và bà Y Hồng, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/8/2022, tạm giam từ ngày 28/8/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông A P, sinh năm 1963;

2. Ông A B, sinh năm 1967;
3. Ông A H1, sinh năm 1977;
4. Anh Bùi Văn D, sinh năm 1980;
5. Anh A K, sinh năm 1988;
6. Ông A T, sinh năm 1959;
7. Chị Y H, sinh năm 1989;
8. Anh A TR, sinh năm 1998;
9. Anh A Điều, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Đăk Lung, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

10. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn 6, xã K, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Chị Kiều Thị D, sinh năm 1979, địa chỉ: Số 11 L, tổ 6, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Anh Nguyễn Quang P, sinh năm 1974, địa chỉ: số 255 LLQ, tổ 11, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

4. Chị Y Ph, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum.

(Ông A P, anh Bùi Văn D, ông A K, ông A T, chị Y H, anh A Đ, anh Nguyễn Xuân N có đơn xin vắng mặt, còn lại vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ khoảng tháng 5/2022 đến tháng 8/2022, A H đã 10 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người dân tại địa bàn thôn Đăk Lung và thôn 6, xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Buổi tối khoảng giữa tháng 05/2022, A H đột nhập vào nhà ông A P lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Fi, BKS: 82U1-018.52 sau đó điều khiển xe chạy xuống thành phố Kon Tum bán cho cửa hàng xe máy Sen do bà Kiều Thị D làm chủ với giá 6.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Buổi tối khoảng đầu tháng 06/2022, A H đột nhập vào nhà ông A B lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 82M1-052.58, rồi dắt xe ra rẫy mì vắng người thuộc thôn Đăk Lung, xã Kon Đào để cất giấu. Đến sáng sớm hôm sau, A H điều khiển xe mô tô trên chạy về thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà bán cho ông Nguyễn Xuân N với giá 1.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Đêm ngày 28/6/2022, A H đã trộm cắp một con Trâu cái, khoảng 10 năm tuổi, có trọng lượng 490kg của nhà ông A H1 đem đi giấu tại vườn cao su gần đó. Đến khoảng 08 giờ ngày 29/6/2022, A H dắt trâu đến nhà ông Nguyễn Thế Anh tại thôn 6, xã Kon Đào để hỏi bán. Vì nghi ngờ về nguồn gốc của trâu nên ông Thế Anh yêu cầu A H phải đi cùng người nhà đến xác nhận thì mới đồng ý mua, do thấy ông Thế Anh gọi trưởng thôn đến để nhờ xác minh nguồn gốc nên A H hoảng sợ, bỏ trâu lại và bỏ trốn.

Lần thứ tư: Khoảng 20 giờ ngày 02/7/2022, ông Bùi Văn D có dựng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, BKS: 82F1-045.26 ở đường, rồi đi bộ lên rẫy. A H ở gần đó phát hiện thấy xe mô tô không có người trông coi nên đã phá khóa cổ xe, kích nổ rồi điều khiển xe xuống thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà. Sau đó, A H mở cốp xe để kiểm tra thì phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A8 nên đã lấy để sử dụng và bán xe mô tô cho ông Nguyễn Xuân N với giá 1.500.000 đồng.

Lần thứ năm: Rạng sáng ngày 11/7/2022, lợi dụng lúc trời còn tối A H đã đột nhập nhà của ông A K trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, BKS: 82U1-067.36. A H dắt xe ra khỏi nhà rồi kích nổ, phá cốp xe phát hiện 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên A K. Sau đó đi đến cửa hàng mua bán xe mô tô Hưng Phúc tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và bán cho ông Nguyễn Quang P với giá 7.500.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào ngày cuối tháng 07/2022, A H lén vào nhà ông A T lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 82U1-009.20 rồi dắt xe ra cất giấu tại một nhà hoang (gần quốc lộ 40B, tại thôn 1, Kon Đào). Đến sáng hôm sau, khi A H quay lại thì thấy có nhiều người ở gần đó nên không dám tới lấy xe mà bỏ trốn lên rẫy tại thôn Đăk Lung, xã Kon Đào. Xe mô tô trên sau đó được gia đình ông A T tìm thấy và mang về nhà.

Lần thứ bảy: Vào tối ngày 07/8/2022, A H lén vào khu vực nhà bếp của gia đình bà Y H lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, BKS: 82F1-051.87, sau đó dắt xe ra ngoài để kích nổ nhưng không được nên Hoàng đã đem chiếc xe đến khu vực rẫy mì thuộc thôn 6, xã Kon Đào để cất giấu, đợi đến sáng hôm sau sẽ quay lại

đem xe đi bán. Tuy nhiên, đến sáng ngày 08/8/2022 gia đình bà Y H đã tìm thấy xe mô tô trên. Khi A H quay lại thì không thấy xe nữa và bỏ đi.

Lần thứ tám: Vào đêm ngày 16/8/2022, A H đột nhập vào nhà A TR lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 69F1-402.41 để tại phòng khách, rồi dắt xe mô tô đi đến khu vực rẫy thuộc thôn Đắk Lung, xã Kon Đào. Tại đây, A H mở cốp xe và lấy được 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cất giấu trong người rồi tiếp tục kích nổ để khởi động nhưng không được, nên đã dắt xe cất giấu vào nhà hoang trong khu vực rẫy chờ đem đi bán. Sau khi cất giấu xe mô tô, vì sợ bị phát hiện nên A H bỏ trốn, sống lang thang trên các khu vực rẫy trên địa bàn xã Kon Đào.

Lần thứ chín: Khoảng 20 giờ một ngày giữa tháng 8/2022, A H đã lẻn vào trong quán tạp hóa của bà Ngô Thị L trộm cắp một thùng giấy đặt trên đầu tủ lạnh, bên trong chứa khoảng 1.200.000 đồng tiền mặt (*gồm các mệnh giá 5.000 đồng, 10.000 đồng và 20.000 đồng - là tiền bán hàng của bà Ngô Thị L*) rồi bỏ trốn.

Lần thứ mười: Vào khoảng 08 giờ sáng ngày 21/8/2022, A H đột nhập vào nhà ông A Điều trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A83, màu đen. Sau đó, A H theo đường đột nhập ban đầu bỏ trốn ra ngoài, giữ điện thoại lại để sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-ĐGTS ngày 26/08/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Tô kết luận: Con trâu cái nặng 490 kg có giá 31.850.000 đồng và xe mô tô Yamaha Exciter BKS: 69F1-402.41 có giá trị là 18.900.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 26/KL-ĐGTS ngày 26/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Tô kết luận:

- Giá trị xe mô tô BKS: 82U1-018.52 là 20.500.000 đồng;
- Giá trị xe mô tô BKS: 82M1-052.58 là 4.500.000 đồng;
- Giá trị xe mô tô BKS: 82F1-045.26 là 6.500.000 đồng;
- Giá trị xe mô tô BKS: 82U1-009.20 là 28.500.000 đồng;
- Giá trị xe mô tô BKS: 82F1-051.87 là 15.500.000 đồng;
- Giá trị xe mô tô BKS: 82U1-067.36 là 16.000.000 đồng;
- Giá trị điện thoại di động Oppo A83 là 700.000 đồng;
- Giá trị điện thoại di động Oppo A8 là 400.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 12/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô truy tố bị cáo A H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo A H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Ngô Thị L 1.200.000 đồng, ông Nguyễn Xuân N 3.000.000 đồng, chị Kiều Thị D 6.000.000 và anh Nguyễn Quang P 7.500.000 đồng. Những người khác không có yêu cầu gì, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: 01 túi tự chế từ bao xác rắn có hai quai đeo, 01 ví da màu đen, 01 kiểm bằng kim loại, 02 sợi dây điện, 01 đèn pin đội đầu màu đỏ. Xét không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận, đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

Đồng ý với điều, khoản, tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên, về tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*”, tôi có ý kiến như sau: Trong những lần bị cáo trộm cắp thì có 02 lần dưới 2.000.000 đồng, đã cộng giá trị tài sản lại làm tình tiết định khung tăng nặng để truy tố bị cáo theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tuổi đời còn trẻ, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, không có việc làm, trình độ học vấn thấp cho nên nhận thức về pháp luật còn có phần hạn chế.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị

cáo là hộ nghèo nên đề nghị xem xét, miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Đắk Tô, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 8/2022, bị cáo A H sống lang thang tại khu vực thôn Đắk Lung, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên A H đã lén lút thực hiện 10 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thuộc thôn 6 và thôn Đắk Lung, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 144.550.000 (*Một trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong thời gian thực hiện các vụ trộm cắp, bị cáo không có việc làm, lấy việc trộm cắp làm nghề nghiệp, lấy tiền từ việc bán tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính. Trước khi phạm tội, bị cáo có sự chuẩn bị dụng cụ, phương tiện, sau khi thực hiện được thì đến các khu vực rẫy, rừng, nhà hoang vắng người để giấu tài sản trộm cắp, bản thân thường xuyên thay đổi nơi ở, mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ tài sản ở một địa bàn khác để tránh bị phát hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự tinh vi, chuyên nghiệp, vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết phạm tội 02 lần trở lên.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người thành niên, khỏe mạnh nhưng không chăm lo làm ăn chân chính, phụ giúp gia đình mà sống lang thang, không nghề nghiệp, lấy việc trộm cắp tài sản để làm nghề sinh sống. Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp trong thời gian dài, gây mất an ninh trật tự nghiêm trọng, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc là cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội được giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại gồm ông A P, A B, A H1, Bùi Văn D, A K, A T, Y H, A Điều đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Ngô Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.200.000 đồng, anh Nguyễn Xuân N yêu cầu 3.000.000 đồng, chị Kiều Thị D yêu cầu 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Quang P yêu cầu 7.500.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của bà Liên, anh Nam, chị Diễm và anh Phúc là có cơ sở, bị cáo cũng đồng ý trả lại nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ được và đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên hội đồng xét xử không đề cập.

- Đối với 01 túi tự chế từ bao xác rắn có hai quai đeo, 01 ví da màu đen, 01 kiềm bằng kim loại, 02 sợi dây điện, 01 đèn pin đội đầu màu đỏ tình trạng đã qua sử dụng.

Đây là các công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với 01 xe mô tô BKS: 69F1-402.41, do anh A Vinh mua và giao lại cho anh trai là A TR, giấy chứng nhận đăng ký xe tên Mai Thành Phần (*sinh năm: 1976; địa chỉ: Chà Là, Trần Phán, Đầm Dơi, Cà Mau*). Đây là tài sản A H trộm cắp nhà anh A TR vào ngày 16/8/2022. Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Tô xác minh được xe mô tô trên là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 29/04/2021 tại phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên đã chuyển vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để điều tra là đúng quy định của pháp luật. Hiện tại vụ án đang trong quá trình giải quyết, anh A Vinh hiện vắng mặt tại địa phương, anh A TR không có yêu cầu gì. Sau khi có kết quả giải quyết vụ án trên, nếu A Vinh có yêu cầu bồi thường sẽ thực hiện theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

- Đối với anh Nguyễn Xuân N, chị Kiều Thị D, anh Nguyễn Quang P là những người mua xe do bị cáo trộm cắp. Xét thấy trong những lần bán xe, bị cáo đều nói dối là xe của anh trai, xe của gia đình đã cũ để đi rầy, bị mất chìa khóa, mất giấy tờ và hứa hẹn sẽ làm thủ tục sang tên, đổi chủ giúp khi cần thiết nên anh Nam, chị Diễm và anh Phúc không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp, vì vậy cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nam, chị Diễm và anh Phúc là có cơ sở.

- Đối với ý kiến tranh luận của Người bào chữa về việc đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo thực hiện 10 lần hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 08 lần trên mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa bị xử lý lần nào, tình tiết này không được áp dụng để định khung hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, áp dụng tinh thần tại tiêu mục 5.2, mục 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 4 phần I Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của người bào chữa.

[9] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo A H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A H **05** (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (25/8/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo A H phải bồi thường cho bà Ngô Thị L 1.200.000 (*Một triệu hai trăm nghìn*) đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Xuân N 3.000.000 (*Ba triệu đồng*) đồng, bồi thường cho chị Kiều Thị D 6.000.000 (*Sáu triệu đồng*) đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Quang P 7.500.000 (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) túi tự chế từ bao xác rắn có hai quai đeo kích thước (44x55) cm;
- 01 (một) ví da màu đen kích thước (26x14) cm;
- 01 (một) kiềm bằng kim loại kích thước (21x6) cm, màu cam trắng, phần lưỡi dài 08 cm, phần tay cầm dài 13 cm, tình trạng đã qua sử dụng;
- 01 (một) sợi dây điện có vỏ ngoài màu xanh dương, kích thước dài 11 cm, rộng 0,2 cm;
- 01 (một) sợi dây điện có vỏ ngoài màu vàng, kích thước dài 14,5 cm, rộng 0,2 cm;
- 01 (một) đèn pin đội đầu màu đỏ có kích thước (6x7) cm, phần ống kính đèn pin hình tròn có đường kính 05cm, trên thân đèn pin có một công tắc màu đỏ đường kính 01 cm, báng của đèn pin có gắn dây màu xanh – đen dùng để đội đầu.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Tô và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đắk Tô).

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo.

5. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/02/2023); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc khi bản án được tổng đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Khánh

A Bông

Trần Minh Huy